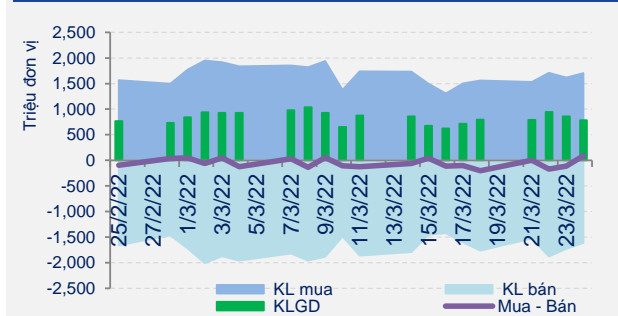
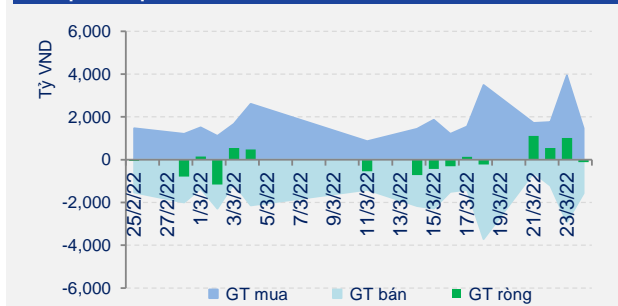


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 24/3/2022

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,498.26	462.80
% Thay đổi	↓ -0.27%	↑ 0.15%
KLGD (CP)	784,913,131	123,035,567
GTGD (tỷ đồng)	24,833.23	4,060.72
Tổng cung (CP)	1,613,124,200	187,418,400
Tổng cầu (CP)	1,702,432,700	160,463,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	35,893,408	953,075
KL mua (CP)	27,547,000	375,917
GT mua (tỷ đồng)	1,461.60	10.23
GT bán (tỷ đồng)	1,576.46	26.53
GT ròng (tỷ đồng)	(114.86)	(16.31)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.34%	21.8	3.6	1.1%
Công nghiệp	↑ 1.75%	23.5	3.2	18.6%
Dầu khí	↑ 0.02%	19.2	2.1	2.7%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.59%	-	11.1	3.0%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.87%	16.5	2.6	0.8%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.12%	19.1	3.6	9.7%
Ngân hàng	↓ -0.85%	12.4	2.4	7.5%
Nguyên vật liệu	↓ -0.57%	10.8	2.6	18.1%
Tài chính	↓ -0.22%	21.8	3.2	37.1%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.26%	18.2	2.8	1.4%
VN - Index	↓ -0.27%	17.4	3.2	
HNX - Index	↑ 0.15%	22.3	3.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Giá dầu thế giới sau giai đoạn điều chỉnh đã tăng mạnh trở lại trong phiên hôm qua đã kéo theo lo ngại trở lại về tình hình lạm phát gia tăng khiến các chỉ số chứng khoán Mỹ có phiên giảm khá mạnh đêm qua với mức giảm đều trên 1% trên cả 3 chỉ số. Và điều này có lẽ đã ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý nhà đầu tư tại thị trường Việt Nam khiến VN-Index giảm nhẹ phiên thứ hai liên tiếp, qua đó đánh mất ngưỡng 1.500 điểm. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 4,08 điểm (-0,27%) xuống 1.498,26 điểm. Độ rộng thị trường là trung tính với 222 mã tăng (19 mã tăng trần), 51 mã giảm, 228 mã giảm (0 mã giảm sàn). Nhóm vốn hóa lớn thuộc VN30 (-0,54%) tiếp tục có diễn biến tiêu cực hơn thị trường chung với 21/30 mã kết phiên trong sắc đỏ, tạo ra gánh nặng điều chỉnh lên thị trường, VHM (-1,9%), VCB (-1,6%), GVR (-1,4%), NVL (-1,2%), STB (-1%)... Cổ phiếu ngân hàng sau vài phiên tăng liên tiếp để kéo thị trường đã bị chốt lời trong phiên thứ hai liên tiếp khiến hàng loạt mã giảm trở lại VPB (-0,8%), MBB (-0,3%), TCB (-0,6%), CTG (-0,9%), LPB (-0,7%), ACB (-0,9%), MSB (-0,8%), SSB (-0,3%), BID (-0,7%)... Nhóm cổ phiếu chứng khoán sau khi phân hóa vào hôm qua thì sang hôm nay sắc đỏ đã thực sự chiếm đa số SSI (-0,9%), VND (-1,4%), SHS (-0,2%), VCI (-1%), VIX (-0,2%), HCM (-1,5%), TVC (-1,3%)... Nhóm cổ phiếu xây dựng và vật liệu thu hút được dòng tiền và đồng loạt tăng giá mạnh với HBC (+3%), IJC (+3,8%), FCN (+4,1%), ROS (+0,9%), PC1 (+3,4%), LCG (+1,9%), DPG (+3,7%), HT1 (+2,1%), VC2 (+4,8%)...; thậm chí tăng trần như VGC (+6,8%), PTC (+6,8%), BTS (+9,6%)... HUT (-9,8%) đi ngược dòng với phiên giảm sàn thứ hai liên tiếp.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Sau sáu phiên tăng liên tiếp thì thị trường đã điều chỉnh nhẹ trong hai phiên gần đây với mức thanh khoản khớp lệnh trong hai phiên này đều thấp hơn mức trung bình. Điều này cho thấy là áp lực bán ra không thực sự mạnh, chỉ số giảm một phần do lực cầu yếu ở thời điểm hiện tại. Rõ ràng là tâm lý nhà đầu tư vẫn đang thận trọng, nhất là ở vùng giá trên ngưỡng tâm lý 1.500 điểm. Trên góc độ kỹ thuật, tuy đánh mất ngưỡng tâm lý 1.500 điểm sau phiên hôm nay nhưng VN-Index vẫn kết phiên trên vùng hỗ trợ 1.485-1.490 điểm (MA20-50) nên xu hướng vẫn được duy trì, tuy có sự suy yếu nhẹ. Do đó, trong phiên giao dịch cuối tuần 25/3, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại nhằm lấy lại ngưỡng tâm lý 1.500 điểm. Những nhà đầu tư đã tham gia mua vào trong tuần trước khi thị trường giảm về vùng hỗ trợ 1.425-1.450 điểm như khuyến nghị có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

24/3/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch khá giằng co trong phiên hôm nay với sắc xanh và sắc đỏ đan xen nhau. Chỉ số đạt mức cao nhất trong phiên tại 1.505,39 điểm và mức thấp nhất trong phiên tại 1.495,18 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 4,08 điểm (-0,27%) xuống 1.498,26 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VCB giảm 1.400 đồng, VHM giảm 1.500 đồng, GVR giảm 500 đồng. Ở chiều ngược lại, PDR tăng 3.600 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giao dịch với sắc đỏ trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay, với mức thấp nhất trong phiên tại 462,88 điểm. Nhưng về cuối phiên, lực cầu gia tăng giúp chỉ số kết phiên trong sắc xanh. Kết phiên, HNX-Index tăng 0,7 điểm (+0,15%) lên 462,8 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: KSF tăng 10.800 đồng, VCS tăng 7.800 đồng, IDJ tăng 1.500 đồng. Ở chiều ngược lại, HUT giảm 4.400 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 114,86 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 8,3 triệu cổ phiếu. DXG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 169,7 tỷ đồng tương ứng với 3,7 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VNM với 128,8 tỷ đồng tương ứng với 1,7 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, DGC là mã được mua ròng nhiều nhất với 358,6 tỷ đồng tương ứng với 1,6 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 16,06 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 577 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 11,7 tỷ đồng tương ứng với 352,2 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là NDN với 2,6 tỷ đồng tương ứng với 156,2 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, NVB là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 2,2 tỷ đồng tương ứng với 62,3 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index điều chỉnh nhẹ trong phiên thứ hai liên tiếp với thanh khoản khớp lệnh giảm nhẹ so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên gần đây. Điều này cho thấy là áp lực bán ra trong phiên hôm nay là không thực sự mạnh, thị trường giảm một phần do cầu yếu ở thời điểm hiện tại.

Áp dụng lý thuyết sóng Elliott trên biểu đồ kỹ thuật thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên giảm nhẹ thứ hai liên tiếp (-0,27%) thì VN-Index đã đánh mất ngưỡng tâm lý 1.500 điểm nhưng chỉ số này vẫn nằm trên vùng hỗ trợ trong khoảng 1.485-1.490 điểm (MA20-50). Điều này khiến cho xu hướng tăng bị suy yếu đôi chút.

Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 25/3, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để kết thúc một tuần tăng điểm khá tốt.

Tuy nhiên, nếu kịch bản tiêu cực xảy ra và áp lực bán gia tăng thì VN-Index có thể sẽ cần lùi về vùng hỗ trợ tiếp theo trong khoảng 1.485-1.490 điểm (MA20-50) để tìm kiếm lực cầu giá thấp.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Chính phủ yêu cầu điều hành giá xăng dầu bám sát thị trường thế giới

Phó Thủ tướng Lê Minh Khái yêu cầu việc điều hành xăng, dầu bảo đảm giá xăng dầu trong nước phản ánh và bám sát diễn biến giá thành phẩm xăng dầu thế giới. Hai Bộ kịp thời đề xuất, báo cáo Thủ tướng, Chính phủ những vướng mắc vượt thẩm quyền.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước đi ngang	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 68,1 - 68,85 triệu đồng/lượng, tăng 100.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 250.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 24/3 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.148 VND/USD, tăng 1 đồng so với hôm qua.

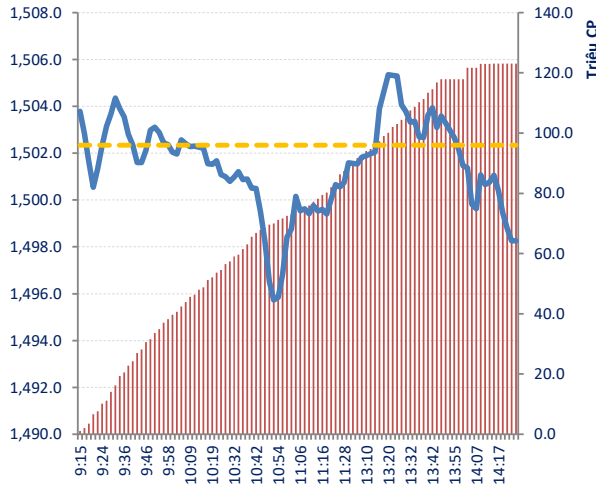
TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 2,5 USD/ounce tương ứng với 0,13% lên 1.939,8 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,223 điểm tương ứng 0,22% lên 98,835 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,0988 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3164 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 121,7 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,71 USD/thùng tương ứng với 0,62% lên 115,64 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ điều chỉnh	Kết thúc phiên giao dịch ngày 23/3, Dow Jones giảm 448,96 điểm tương ứng với 1,29% xuống 34.358,5 điểm. Nasdaq giảm 186,21 điểm tương đương 1,32% xuống 13.922,6 điểm. Nasdaq Composite giảm 55,37 điểm tương đương 1,23% xuống 4.456,24 điểm.

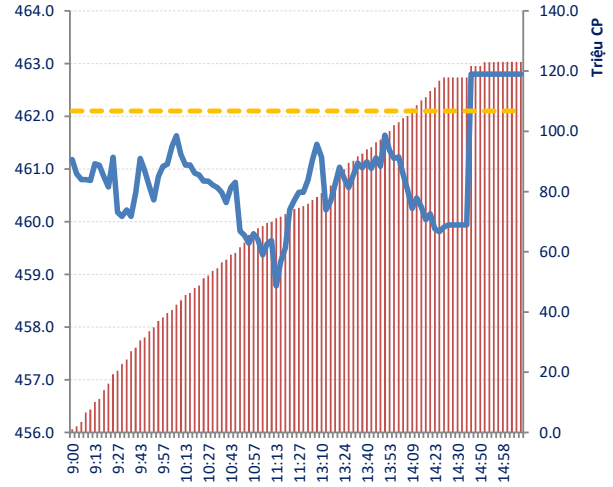


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

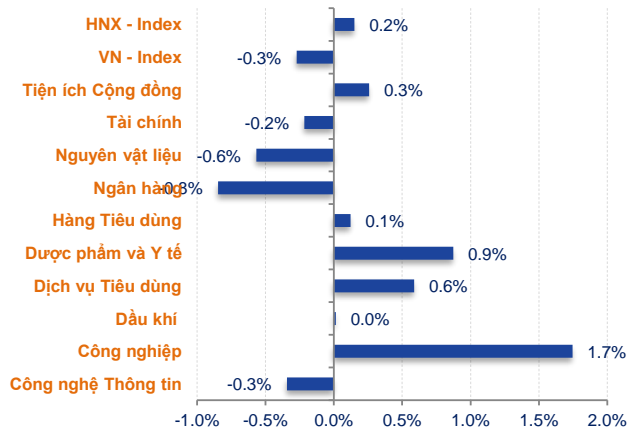
KLGD và VN-Index trong phiên



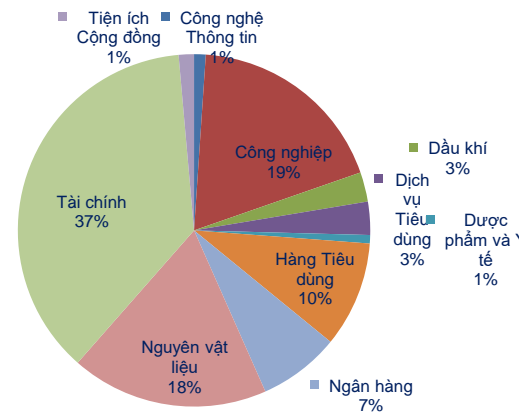
KLGD và HNX-Index trong phiên



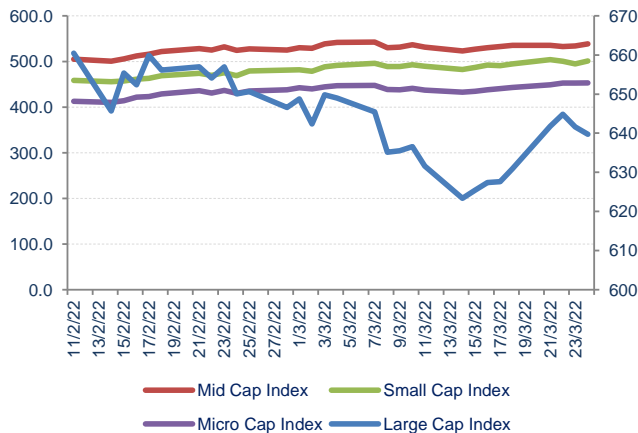
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



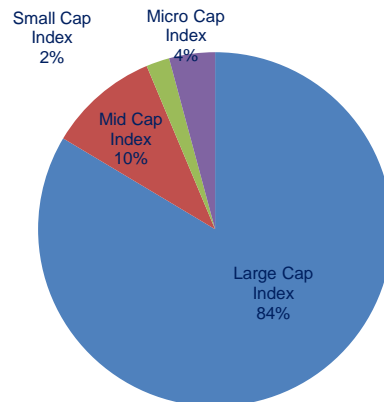
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DGC	1,591,200	DXG	3,669,500
2	ROS	763,600	HPG	1,925,300
3	VGC	735,200	VNM	1,706,008
4	LPB	693,200	VND	1,305,700
5	VHC	554,600	GEX	765,400

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	NVB	62,300	PVS	325,200
2	PVC	56,300	NDN	156,200
3	TMC	22,100	LUT	109,000
4	TVD	14,000	PGN	62,100
5	VMC	10,900	PLC	48,300

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HQC	9.70	10.25	↑ 5.67%	49,901,800
HAG	13.15	13.35	↑ 1.52%	26,820,100
FLC	14.50	14.30	↓ -1.38%	26,227,400
DXG	45.30	46.15	↑ 1.88%	21,901,500
AAA	18.10	19.35	↑ 6.91%	19,729,800

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HUT	44.90	40.50	↓ -9.80%	10,148,455
PVS	35.20	35.30	↑ 0.28%	9,805,909
CEO	72.90	72.50	↓ -0.55%	7,023,978
KLF	7.10	7.10	→ 0.00%	5,705,900
IDC	73.30	75.00	↑ 2.32%	4,905,026

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
UDC	14.30	15.30	1.00	↑ 6.99%
TMS	104.40	111.70	7.30	↑ 6.99%
BCG	26.50	28.35	1.85	↑ 6.98%
TDW	38.00	40.65	2.65	↑ 6.97%
TCR	7.46	7.98	0.52	↑ 6.97%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KDM	16.00	17.60	1.60	↑ 10.00%
TOT	13.00	14.30	1.30	↑ 10.00%
BST	16.00	17.60	1.60	↑ 10.00%
KSF	108.40	119.20	10.80	↑ 9.96%
VTC	25.10	27.60	2.50	↑ 9.96%

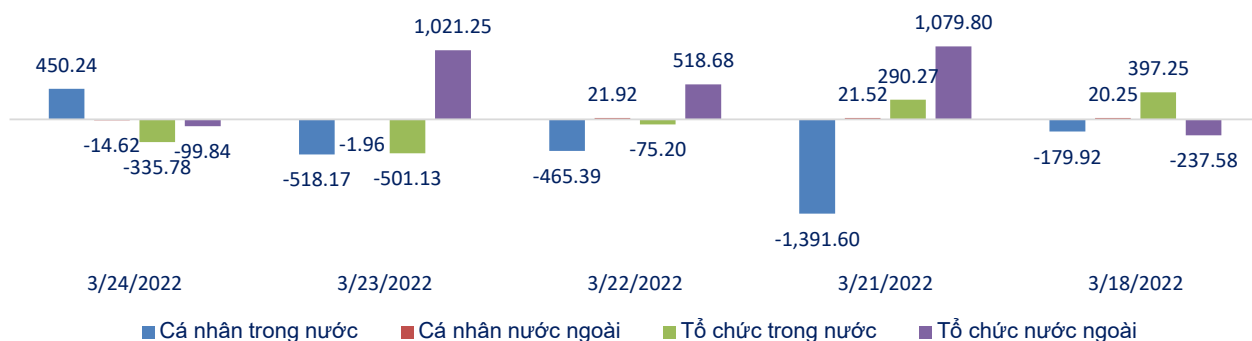
Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MCP	30.25	28.30	-1.95	↓ -6.45%
CMV	19.45	18.30	-1.15	↓ -5.91%
TTE	18.00	17.00	-1.00	↓ -5.56%
SFG	20.40	19.50	-0.90	↓ -4.41%
S4A	36.90	35.40	-1.50	↓ -4.07%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
THS	46.00	41.40	-4.60	↓ -10.00%
ECI	28.40	25.60	-2.80	↓ -9.86%
HUT	44.90	40.50	-4.40	↓ -9.80%
LBE	28.90	26.10	-2.80	↓ -9.69%
CKV	24.80	22.40	-2.40	↓ -9.68%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)


Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	225.52	10.3%	1,940	23.4	2.0
FLC	199.65	0.7%	119	121.9	1.1
APH	112.66	1.1%	224	119.9	1.1
VNM	93.85	30.3%	5,042	15.1	4.4
VND	76.71	19.6%	944	33.9	1.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-333.71	45.9%	13,959	16.3	7.6
TPB	-52.00	22.6%	3,207	12.5	1.9
VHC	-50.68	19.9%	6,052	14.4	2.8
NKG	-40.88	50.0%	10,419	4.7	1.9
VSC	-32.42	13.5%	5,534	8.0	1.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	6.34	45.9%	13,959	16.3	7.6
NKG	4.88	50.0%	10,419	4.7	1.9
PLX	3.44	10.8%	2,258	24.8	2.5
CII	3.33	-4.1%	(1,390)	-	1.0
GEX	2.24	7.3%	1,490	26.9	1.7

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDC	-10.35	23.6%	3,664	28.3	6.0
DCM	-6.15	27.5%	3,623	12.4	3.1
SKG	-3.55	-4.6%	(609)	-	1.9
AAA	-3.16	6.0%	943	19.2	1.1
VSC	-2.71	13.5%	5,534	8.0	1.6

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	69.11	46.0%	7,708	6.1	2.3
TPB	45.05	22.6%	3,207	12.5	1.9
VSC	36.04	13.5%	5,534	8.0	1.6
VNM	34.90	30.3%	5,042	15.1	4.4
MSB	32.34	20.7%	2,668	9.7	1.8

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	-206.84	0.7%	119	121.9	1.1
APH	-121.52	1.1%	224	119.9	1.1
DXG	-55.81	10.3%	1,940	23.4	2.0
GMD	-43.48	8.9%	2,007	26.7	2.3
VPB	-40.62	17.0%	2,662	13.8	1.9

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	352.23	45.9%	13,959	16.3	7.6
VHC	50.37	19.9%	6,052	14.4	2.8
VGC	39.52	15.9%	2,729	19.9	2.9
NLG	30.94	10.6%	3,155	18.9	1.7
MSN	26.76	25.4%	7,269	20.2	4.1

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	-169.40	10.3%	1,940	23.4	2.0
VNM	-130.01	30.3%	5,042	15.1	4.4
HPG	-90.55	46.0%	7,708	6.1	2.3
VND	-40.34	19.6%	944	33.9	1.6
GEX	-33.06	7.3%	1,490	26.9	1.7



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HQC	49,901,800	0.1%	9	1,112.6	1.1
HAG	26,820,100	3250.0%	199	66.2	2.6
FLC	26,227,400	0.7%	119	121.9	1.1
DXG	21,901,500	10.3%	1,940	23.4	2.0
AAA	19,729,800	6.0%	943	19.2	1.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	10,148,455	1.9%	240	187.1	4.1
PVS	9,805,909	4.7%	1,260	27.9	1.3
CEO	7,023,978	2.7%	362	201.4	5.3
KLF	5,705,900	0.4%	40	175.7	0.7
IDC	4,905,026	9.6%	1,508	48.6	4.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
UDC	↑ 7.0%	-5.9%	(658)	-	1.3
TMS	↑ 7.0%	21.4%	7,611	13.7	3.1
BCG	↑ 7.0%	10.6%	2,167	12.2	1.0
TDW	↑ 7.0%	17.9%	3,646	10.4	1.9
TCR	↑ 7.0%	2.4%	248	30.0	0.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KDM	↑ 10.0%	0.1%	6	2,708.9	1.4
TOT	↑ 10.0%	7.5%	860	15.1	1.1
BST	↑ 10.0%	10.7%	1,381	11.6	1.2
KSF	↑ 10.0%	9.0%	1,373	78.9	5.4
VTC	↑ 10.0%	0.4%	83	303.2	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	1,591,200	45.9%	13,959	16.3	7.6
ROS	763,600	1.6%	168	54.4	0.8
VGC	735,200	15.9%	2,729	19.9	2.9
LPB	693,200	18.5%	2,377	9.6	1.7
VHC	554,600	19.9%	6,052	14.4	2.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
NVB	62,300	0.0%	3	11,436.0	3.4
PVC	56,300	0.9%	146	196.8	1.8
TMC	22,100	7.0%	1,098	15.0	1.0
TVD	14,000	19.3%	2,300	8.3	1.6
VMC	10,900	1.0%	181	141.7	1.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	401,791	21.3%	4,629	18.3	3.6
VHM	336,157	35.3%	9,036	8.5	2.6
VIC	310,454	-1.9%	(717)	-	1.9
BID	219,540	12.7%	2,090	20.8	2.5
GAS	214,937	17.1%	4,531	24.8	4.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	59,815	21.8%	2,805	60.9	9.5
KSF	32,520	9.0%	1,373	78.9	5.4
IDC	21,990	9.6%	1,508	48.6	4.7
NVB	20,546	0.0%	3	11,436.0	3.4
CEO	18,760	2.7%	362	201.4	5.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	4.72	1.6%	226	90.8	1.6
DIG	4.41	15.3%	2,210	48.1	6.9
NBB	4.38	18.2%	4,126	8.3	1.8
SGR	4.22	4.7%	566	52.8	2.6
NHA	4.21	0.8%	79	833.0	6.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.89	7.0%	343	40.5	2.7
VC7	2.85	2.6%	354	70.6	2.3
L14	2.77	39.0%	8,000	47.0	13.4
CEO	2.71	2.7%	362	201.4	5.3
L18	2.64	7.1%	935	65.8	4.4



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiện
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn